

Bản án số: 81 /2019/DS-PT
Ngày: 09-10- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Hương;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Quân;

- Bà Nguyễn Thị Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú, Thư ký TAND tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-St ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 197/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Nguyễn Trinh N, sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố X, phường Phước Lộc, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1987, địa chỉ: Số XYZ, đường T.N, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973, địa chỉ: Khu phố X, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận;

- Bà Nguyễn Thị T (tên thường gọi là H), sinh năm: 1975, địa chỉ: Khu phố X, phường B.T, thị xã L.G tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Văn H, sinh năm: 1968, địa chỉ: Số XY, đường P.H.T, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận;

- Ông QNgô Đức L, sinh năm: 1974, địa chỉ: Khu phố X, phường B.T, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn H và ông Ngô Đức L.

Tại phiên tòa có mặt đại diện ủy quyền nguyên đơn, bị đơn ,người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T là chị em ruột (bà Trang tên thường gọi là Hồng), bà Hiền và bà Trang làm nghề nuôi tôm và mua bán tôm. Bà Hiền và bà Trang nhiều lần vay tiền của bà Ngân để bổ sung vốn kinh doanh, cụ thể như sau:

- Ngày 18/9/2014, vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).
- Ngày 25/10/2014, vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).
- Ngày 07/11/2014, vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).
- Ngày 21/11/2014, vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Khi vay mượn hai bên có lập giấy vay và bên vay ký tên xác nhận, thỏa thuận lãi 1%/ ngày, phía bà Hiền bà Trang có trả một số tiền lãi nhưng không ghi chép nên nguyên đơn chỉ nhớ đã nhận 02 lần tiền lãi của khoản vay 800.000.000đ, và một lần tiền lãi của khoản vay 100.000.000đ, sau đó bị đơn không trả lãi của các khoản khác. Về thời hạn vay hai bên chỉ thỏa thuận khi nào bà Ngân cần thì báo trước một thời gian, bà Hiền bà Trang sẽ hoàn trả vốn. Tuy nhiên bà Ngân đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà Hiền, bà Trang không thực hiện cam kết trả nợ. Tổng số tiền bà Hiền, bà Trang vay của bà Ngân là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Sau đó bị đơn trả được 50 triệu gốc, còn lại 2.250.000.000đ, nguyên đơn khởi kiện đòi nợ các bị đơn số tiền 2.250.000.000đ. Giữa bà Ngân và bà Hiền còn có giao dịch huê hụi nên ngoài số tiền bà Hiền trả bà Ngân 50 triệu thì có khoản trả 130 triệu, bà Ngân trừ 130 triệu vào nợ huê hụi nên không tính trong khoản nợ 2.250.000.000đ, tại Tòa án phía bị đơn có yêu cầu trừ số tiền 130 triệu vào nợ vay nên nguyên đơn chấp nhận. Như vậy bà Hiền và bà Trang đã trả được 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), còn lại 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) đến nay chưa trả.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị H, Ông Dương Văn H và vợ chồng bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Hồng), QNgô Đức L phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Hiền thừa nhận bà và em gái là Nguyễn Thị T đã vay tiền nhiều lần của nguyên đơn Trần Nguyễn Trinh N từ năm 2012 để làm ăn kinh doanh, lãi thỏa

thuận 6%/ tháng, thời hạn vay không xác định rõ mà khi nào bà Ngân cần thì yêu cầu chị em bà Hiền sẽ hoàn trả. Đến năm 2014 hai bà làm ăn thất bại nên còn nợ bà Ngân số tiền tổng cộng theo giấy vay mượn như bà Ngân nêu trong đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Ngân. Sau đó bà Hiền và bà Trang đã trả bớt 50 triệu chỉ còn 2.250.000.000đ, ngoài ra còn trả tiếp được 180 triệu để trừ vào nợ gốc nên số nợ hiện nay chỉ còn là 2.070.000.000đ bà Hiền, bà Trang cho rằng đã trả lãi rất nhiều cho bà Ngân nhưng khi trả lãi không có xác nhận của bà Ngân nên bà chỉ trình bày để làm rõ nội dung sự việc mà không yêu cầu Tòa án xem xét lại về các khoản lãi đã trả.

Bà Hiền không thừa nhận trách nhiệm trả nợ liên quan đến chồng là Nguyễn Văn Hiền, bà cho rằng ông Hiền không hề biết đến khoản vay của hai chị em bà. Khi giao dịch, thỏa thuận vay tiền không có ông Hiền tham gia, số tiền hai chị em bà vay để làm ăn kinh doanh cho gia đình nhưng chưa có lãi, chưa phục vụ gì cho gia đình của bà.

Bà Hiền thừa nhận cá nhân bà và em gái Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T (Hồng) trình bày:

Bà Trang thừa nhận các giấy vay nợ nguyên đơn nộp trong hồ sơ vụ án có chữ ký Hồng và chữ viết Nguyễn Thị Hồng là do bà Trang trực tiếp ký và viết. Các bên thỏa thuận lãi 6%/ tháng, thời hạn vay không xác định rõ mà khi nào bà Ngân cần thì yêu cầu chị em bà Trang sẽ hoàn trả. Bà Trang cho rằng bà Trang không trực tiếp giao dịch vay tiền của bà Ngân, bà có nhiệm vụ thu mua, tìm mỗi bán hàng, còn bà Hiền thì xoay sở tiền để kinh doanh, đến khi các bên gặp nhau bà Ngân và bà Hiền nói bà ký xác nhận nợ thì bà ký chứ không rõ từng khoản vay. Do bà Trang đã ký nhận nợ vào các giấy vay nên Bà Trang đồng ý trả nợ số tiền 2.070.000.000đ như nội dung bà Hiền trình bày.

Bà Trang không thừa nhận trách nhiệm trả nợ liên quan đến chồng là QNgô Đức L, bà cho rằng ông Linh không hề biết đến khoản vay của hai chị em bà. Khi giao dịch, thỏa thuận vay tiền không có ông Linh tham gia, số tiền hai chị em bà vay để làm ăn kinh doanh cho gia đình nhưng chưa có lãi, chưa phục vụ gì cho gia đình của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn H, chồng của bà Nguyễn Thị H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không có lời khai hay văn bản trình bày ý kiến về việc ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

QNgô Đức L, chồng của bà Nguyễn Thị T sau nhiều lần không đến tòa theo giấy triệu tập, ông Linh có một lời khai không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Nguyễn Trinh N. Ông Linh khai không hề biết bà Ngân là ai, ông chưa bao giờ giao dịch vay tiền với bà Ngân nên không liên quan trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112, Điều 126, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 298, Điều 300, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 27 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014;
- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 130.000.000đ của bà Trần Nguyễn Trinh N đối với bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T (Hong).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H và ông QNgô Đức L, bà Nguyễn Thị T (tên thường gọi là Hong) cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Nguyễn Trinh N.

Trách nhiệm liên đới được chia phần cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H phải trả bà Trần Nguyễn Trinh N 1.060.000.000đ. Vợ chồng ông QNgô Đức L, bà Nguyễn Thị T (Hong) phải trả bà Trần Nguyễn Trinh N 1.060.000.000đ.

Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng là 10%/năm.

3. **Án phí:** Ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H và ông QNgô Đức L, bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu số tiền 74.400.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể vợ chồng ông Hiền bà Hiền phải chịu 37.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông Linh bà Trang (Hong) phải chịu 37.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Nguyễn Trinh N tiền tạm ứng án phí 38.500.000đ đã nộp theo biên lai số 0021997 ngày 20/12/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tiếp tục biện pháp khẩn cấp tạm thời, về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2019, ông QNgô Đức L, ngày 15/7/2019, ông Dương Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông Linh và ông Hiền cho rằng mình không liên quan đến khoản vay này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:* từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của ông Dương Văn H và ông QNgô Đức L không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông Dương Văn H và ông QNgô Đức L kháng cáo cho rằng các ông không liên quan đến việc vay tiền của bà Hiền và bà Trang với bà Ngân, bởi lẽ không có căn cứ chứng minh bà Hiền, bà Trang sử dụng số tiền vay để phát triển kinh tế gia đình. Ông Hiền và ông Linh không liên quan, không biết về khoản vay này.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của bà Hiền, bà Trang được thể hiện tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 28/12/2018 của TAND thị xã La Gi; Biên bản ghi lời khai lập ngày 20, ngày 21/11/2017 của Cơ quan điều tra Công an thị xã La Gi, không có tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định được ông Hiền, ông Linh biết được về khoản vay này nhưng không phản đối ngay, hoặc cùng sử dụng số tiền vay, hoặc chứng minh được bà Hiền, bà Trang sử dụng số tiền vay có được từ bà Ngân, để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình (*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*). Tuy nhiên tại phiên tòa các bà Hiền, bà Trang thừa nhận mục đích vay tiền của bà Ngân để buôn bán tôm, bà Ngân là người cho vay cũng biết việc mua bán của hai chị em bà Hiền. Việc mua bán có phần thuận lợi trong những năm 2012, 2013 nhưng đến năm 2014 thì bị lỗ dẫn đến khoản nợ của bà Ngân hai bà chưa có khả năng chi trả. Không có khoản dư để phục vụ nhu cầu kinh tế trong gia đình. Mặc dù ông Dương Văn H không biết việc vợ vay mượn của bà Ngân cụ thể như thế nào nhưng

tại phiên tòa phúc thẩm ông có trình bày bản thân có đưa vốn cho vợ 340.000.000 đồng để vợ làm ăn cho người khác vay nhỏ để phụ giúp kinh tế gia đình. Bản thân ông Linh có biết vợ buôn bán nhưng cũng không quan tâm đến việc vợ vay của ai và vợ đóng góp phát triển kinh tế gia đình như thế nào. Nhưng khoản tiền vay được của nguyên đơn đã được các bị đơn thừa nhận sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình do vậy ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Đức Linh, bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình vay tiền của bà Ngân để bà Hiền, bà Trang làm ăn chung giữa bà Hiền và bà Trang không xác định số nợ cụ thể của mỗi bên, số tiền vay bà Hiền và bà Trang đồng sở hữu và cùng sử dụng chung. Theo quy định tại điều 298 Bộ Luật dân sự 2005, vợ chồng bà Hiền và vợ chồng bà Trang phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ 2.120.000.000 đồng cho bà Ngân. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Hiền và bà Trang cùng đồng ý chia nghĩa vụ để thực hiện, xét nghĩa vụ dân sự có thể phân chia được, tương ứng với phần trách nhiệm của mỗi bên khi liên đới nên HĐXX sẽ chia nghĩa vụ cho các bên theo quy định tại Điều 300 Bộ luật dân sự 2005 vợ chồng bà Hiền có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngân 1060.000.000 đồng, vợ chồng bà Trang (Hồng) có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngân 1.060.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn Hiền và ông QNgô Đức L. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 20 Điều 3, Điều 27, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”;
- Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 112, Điều 126, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 298, Điều 300, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 130.000.000đ của bà Trần Nguyễn Trinh N đối với bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T (Hồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H và ông QNgô Đức L, bà Nguyễn Thị T (tên thường gọi là Hồng) cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 2.120.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) cho bà Trần Nguyễn Trinh N.

Trách nhiệm liên đới được chia phần cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị H phải trả bà Trần Nguyễn Trinh N 1.060.000.000đ. Vợ chồng ông QNgô Đức L, bà Nguyễn Thị T (Hồng) phải trả bà Trần Nguyễn Trinh N 1.060.000.000đ.

Đối với số tiền phải thi hành án nêu trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng là 10%/năm.

2. Về án phí: Ông QNgô Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0022391 ngày 17/7/2019; ông Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0022386 ngày 23/7/2019 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thiên Hương